

Bản án số: 56/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2020

“V/v: Yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Bắc
- *Các hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Nguyễn Thị Quang
 2. Bà Nguyễn Ngọc Sương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2020 về việc: “Yêu cầu ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 06/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST–HNGĐ ngày 30/10/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị T, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: phường Th, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: ông Lại Văn Q, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ:
Taipei – Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Q quen biết và đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống khoảng 02 tuần tại nhà bố mẹ chồng ở xóm X, Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình, rồi ông Q tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Vợ chồng thường xuyên liên lạc điện thoại với nhau. Tháng 02/2013, ông Q về Việt Nam thăm bà được khoảng 2-3 tuần. Bà một mình mang thai, sinh con và nuôi con cho tới nay. Từ tháng 5/2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do ông Q không tôn trọng bà, có lời lẽ phủ nhận công sức và sự cố gắng của bà. Tháng 02/2020, ông Q có liên lạc với bà về việc vợ chồng ly hôn, sau đó không liên lạc nữa.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm gì với ông Q nữa, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn với ông Lại Văn Q.

- Về con chung: có 01 con chung là cháu Lại Lê Minh T, sinh ngày 06/11/2013. Bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lại Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Lời khai của ông Lại Văn Ng là cha ruột ông Lại Văn Q như sau:

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tổng đạt các văn bản tố tụng. Ông Ng đã nhận các văn bản tố tụng và cam kết thông báo nội dung các văn bản đó cho ông Q.

Về việc bà T xin ly hôn với ông Lại Văn Q: ông Q cũng đã thông báo với gia đình là đồng ý ly hôn với bà T, để cho bà T nuôi dưỡng con chung, và ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, xử cho bà T được ly hôn với ông Lại Văn Q; chấp nhận giao con chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, cũng như không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

[1.1.] Bà Lê Thị T có quốc tịch Việt Nam, cư trú tại phường Th, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lại Văn Q có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình; địa chỉ: Taipei – Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về việc “Xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản

3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2.] Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án, ủy thác điều tra và tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan cho phía ông Q theo trường hợp giải quyết yêu cầu ly hôn của công dân Việt Nam trong nước với công dân Việt Nam ở nước ngoài có tình giấu địa chỉ, theo tinh thần nội dung hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại văn bản số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 V/v: giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lại Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải và tham gia tố tụng, nhưng ông Q cố tình vắng mặt. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đến nay, ông Q vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q.

[2.] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Lại Văn Q tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/02/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung mà chỉ duy trì mối quan hệ qua gọi điện thoại. Từ năm 2012 đến 2013 ông Q có về thăm bà T được một lần và sau đó thì không về nữa, một mình bà T sinh con và nuôi con. Từ tháng 5/2019 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh, do ông Q không tôn trọng vợ, có những lời lẽ phũ phàng công sức và sự cố gắng của bà T. Tháng 02/2020, ông Q có liên lạc với bà T về việc vợ chồng ly hôn và sau đó thì không liên lạc nữa, cố tình giấu địa chỉ nơi mình đang cư trú và lao động tại Đài Loan. Bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Ông Lại Văn Ng là ba ruột của ông Lại Văn Q, trình bày trong biên bản ghi lời khai như sau: ông Q biết việc bà T xin ly hôn, và trao đổi với gia đình là đồng ý ly hôn với bà T, đồng ý để bà T nuôi con.

Từ những lý do trên, nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Q đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2.] Về con chung:

Có một con chung là cháu Lại Lê Minh T, sinh ngày 06/11/2013, hiện đang sinh sống cùng bà T. Cháu T có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ. Tại

phiên tòa, bà T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bà được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Qua xem xét điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con của bà T, nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu T cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Q, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác nhận không có nợ chung, đã tự thỏa thuận với ông Q về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

[3.] Về án phí: Bà Lê Thị T chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 479, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc ly hôn với ông Lại Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lại Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lại Lê Minh T, sinh ngày 06/11/2013, cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lại Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Ông Q có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo biên lai thu số 0004284 ngày 02/3/2020, nên đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (27/11/2020), bà Lê Thị T có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với ông Lại Văn Q là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quang

Nguyễn Ngọc Sương

Trần Minh Bắc

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): Tổ HC_TP (VP), Tòa Dân sự, hồ sơ.

Trần Minh Bắc